TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 11/01/2021.
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly.

2. Ông Ngô Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo. Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*:** không tham gia.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 689/2020/TLST-HNGĐ ngày 9 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 551/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Bé B – Sinh năm 1991. Nơi cư trú: số 45, tổ 2, ấp LB, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy V – sinh năm 1992. Nơi cư trú: số 45, tổ 2, ấp LB, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn Bé B trình bày: Ông và bà V quen biết, tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn. Chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai đã cố gắn nhưng không được và không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với bà V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 17/10/2014. Hiện do ông nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thùy V đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gởi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Ông Bé B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy V có nơi cư trú tại xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2].Về nội dung tranh chấp

Ông Phạm Văn Bé B và bà Nguyễn Thị Thùy V kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo ông Bé B trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ không rõ ràng trong việc quản lý tài sản chung của vợ chồng (lấy vàng thật đổi vàng giả, ông có hỏi thì vợ trả lời không được nên cả nhau, đến cuối năm 2018 thì không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, ông Bé B yêu cầu ly hôn với bà V. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc ông Bé B yêu cầu ly hôn và triệu tập bà V tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng bà V vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông Bé B. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Bé B và bà V nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc quản lý tài sản chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ năm cuối năm 2018 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bé B xin ly hôn bà V.

[3] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, ông Bé B xác định vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 17/10/2014 hiện do ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông Bé B yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu Ngọc do ông Bé B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định, trong quá trình giải quyết bà V cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của ông Bé B. Do đó, để ông Bé B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc là phù hợp với pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông Bé B không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Ông Bé B không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ nợ chung: Ông Bé B trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Bé B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Bé B xin ly hôn bà Nguyễn Thị Thùy V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2014, ngày 24 tháng 9 năm 2014 do Ủy ban nhân dân xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Ông Phạm Văn Bé B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 17/10/2014. Bà Nguyễn Thị Thùy V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Văn Bé B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc ông Bé B xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì ông Bé B, bà V phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Phạm Văn Bé B phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0008956 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 9/10/2020.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Long Kiến, huyện Chợ Mới.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình